

NGŨ ĐIỆU VÀ TRỌNG ÂM TRONG VIỆC ĐÁNH DẤU TIÊU ĐIỂM VÀ CẤU TRÚC TIÊU ĐIỂM

Nguyễn Thị Thanh Huyền *

TÓM TẮT

Bài viết đã xác lập một số tính chất và chức năng ngữ pháp ngữ dụng của ngữ điệu và trọng âm, đặc biệt là chức năng ngữ dụng, với tư cách là công cụ đóng gói thông tin đánh dấu tiêu điểm. Ở đây cần phân biệt rõ hai loại trọng âm: trọng âm ngữ đoạn (hay trọng âm câu) và trọng âm cường điệu (hay trọng âm tiêu điểm). Hai loại trọng âm này trùng hợp nhau khi rơi vào yếu tố thực từ là tiêu điểm thông tin mới (TĐTTM) đứng ở cuối câu hay cuối ngữ đoạn, còn trọng âm tương phản có thể rơi vào bất cứ thành tố nào trong câu, bất kể nó nằm ở phần thông tin cũ hay thông tin mới của câu.

ABSTRACT

Stress and intonation in the functions of focus marking and focus structure

In this article is about the grammatical nature and functions of intonation and accents, pragmatic ones, which serve as means to package information and mark focuses. We should distinguish two kinds of accents: sentence accents and emphatic accents. These two kinds of accents coincide in case of the new information focus located at the end of the sentence or phrase; whereas the contrastive accent may occur in any positions of the sentence no matter whether it is located in the old or new information portion.

Ngữ điệu và trọng âm là hiện tượng ngôn điệu diễn ra trong quá trình ngôn ngữ hành chức dưới hình thức nói năng, chúng luôn đi song hành và không thể tách rời nhau.

Là một hiện tượng của ngôn ngữ, ngữ điệu và trọng âm trong hệ thống ngôn ngữ vừa có chức năng ngữ pháp, vừa có chức năng ngữ dụng.

Về phương diện ngữ dụng, trên các ngữ liệu khác nhau, các nhà ngữ học nước ngoài cũng như các nhà Việt ngữ học đều nhận thấy ngữ điệu và trọng âm, bên cạnh vai trò thể hiện sắc diện tình thái của phát ngôn, chúng còn là công cụ hữu hiệu dùng để đóng gói thông tin và chỉ xuất tiêu điểm thông tin.

* Thạc sĩ – Trường Đại học Kinh tế TP HCM

Dưới đây chúng tôi xin sơ lược đề cập đến các vai trò cơ bản của ngữ điệu và trọng âm trong lời nói Việt, đặc biệt là chức năng ngữ dụng của chúng.

1. Trọng âm

Trọng âm là sản phẩm và là vấn đề không tách rời của diễn trình ngữ điệu trong lời nói. Tuy nhiên, cũng có một số tính chất của trọng âm cần được bàn tới với tư cách là một hiện tượng ngữ âm tương đối nổi bật trong vai trò là phương tiện ngữ pháp và ngữ dụng trong ngôn ngữ nói.

Khi nói về trọng âm trong lời nói Việt, chúng ta cần phân biệt hai chức năng của nó. Chức năng thứ nhất có tính chất gần như một công cụ ngữ pháp dùng để (i) phân biệt nghĩa của từ ngữ, (ii) phân giới ngữ đoạn hoặc câu. Chức năng thứ hai có tính chất ngữ dụng, dùng để đánh dấu thông tin tiêu điểm trong lời nói.

Sự phân biệt này thực ra chỉ mang tính tương đối để tiện cho việc giải thích và phân loại các hiện tượng ngữ âm diễn ra trong quá trình nói năng, còn trong thực tế, nhiều khi hai chức năng hoạt động chồng lên nhau làm một.

1.1. Về chức năng ngữ pháp của trọng âm

Cao Xuân Hạo trong tác phẩm ‘*Tiếng Việt - Mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*’ đã chỉ rõ trên cơ sở xác định sự tương phản giữa các âm tiết với nhau để nhận biết trọng âm (1), khinh âm (0) [2].

Theo tác giả, trong phạm vi từ ngữ, trọng âm góp phần *xác định quan hệ kết hợp* giữa các tiếng. Chẳng hạn, từ ‘*nhà văn*’ được đọc với trọng âm là (01), chỉ mối quan hệ phụ thuộc của tiếng (hay hình tố) thứ hai đối với tiếng (hình tố) thứ nhất; nhưng ‘*nhà cửa*’ lại được đọc với trọng âm là (11), chỉ ra mối quan hệ đẳng lập của hai yếu tố này với nhau.

Trên phạm vi rộng hơn, trọng âm có *chức năng phân giới* từng ngữ đoạn trong một câu, phân giới giữa câu này với câu khác.

Với ngữ đoạn trong câu, trọng âm chỉ ra ranh giới giữa các ngữ đoạn với nhau, trong đó mỗi ngữ đoạn kết thúc bằng một trọng âm (1), trọng âm câu là trọng âm của ngữ đoạn cuối cùng:

(1) i. Lan // đi mua cá // mí lại khế // về nấu canh.

Sơ đồ trọng âm là : 1 0 0 1 0 0 1 0 0 1

Theo Cao Xuân Hạo, mỗi câu nói “đều mang một hay nhiều trọng âm, mỗi trọng âm đánh dấu một ngữ đoạn: nó được đặt vào tiếng (âm tiết) cuối cùng hay duy nhất của ngữ đoạn”; và “nếu ngữ đoạn là những đơn vị cú pháp của câu thì câu phải được chia hết thành ngữ đoạn, và do đó phải kết thúc bằng một trọng âm câu - trọng âm của ngữ đoạn cuối cùng hay trọng âm của câu” [2, 137-139].

1.2. Về chức năng dụng học

Tính chất dụng học của trọng âm thể hiện ở việc nó được dùng làm phương tiện chỉ xuất và đánh dấu thành tố từ vựng chứa thông tin được người nói cho là quan trọng nhất. Sự đánh dấu này thể hiện ở chỗ người nói gia tăng cường độ, cao độ hay trường độ giọng nói trên yếu tố nào đó trong lời nói cần được đánh dấu, báo hiệu cho người nghe biết nơi đó là thông tin tiêu điểm. Do sự gia cố các chỉ số âm học trong giọng nói trên thành tố thông tin tiêu điểm mà loại trọng âm này được phân biệt với loại trọng âm thông thường (xét theo tiêu chuẩn trọng âm (1) và khinh âm (0) của Cao Xuân Hạo) bằng một cái tên khác: ‘trọng âm cường điệu’ hay ‘trọng âm tiêu điểm’. Trọng âm cường điệu khác trọng âm thông thường ở tính mạnh hơn về cường độ hay cao độ, và dài hơn về trường độ.

Đến đây ta thấy rõ, xét về tính chất và chức năng, có thể phân biệt hai loại trọng âm: (i) trọng âm câu/ trọng âm ngữ đoạn và (ii) trọng âm cường điệu/ trọng âm tiêu điểm. Loại thứ nhất là trọng âm dùng để phân giới ngữ đoạn và câu; loại thứ hai là trọng âm ngữ dụng, dùng để đánh dấu tiêu điểm thông tin, nhấn mạnh hay tương phản thông tin tiêu điểm.

Tuy nhiên trong thực tế, hai loại trọng âm này có thể trùng hợp nhau, rơi vào một đơn vị thực từ đứng ở cuối câu, thường đơn vị từ ấy là đơn vị mang tiêu điểm trong phần thông tin mới, được gọi là TĐTTM. Khi ấy, đơn vị từ ngữ này vừa mang trọng âm câu, vừa mang trọng âm TĐTTM.

Ví dụ:

(2) Nó // ***đọc sách***.

Trong (2), phần thông tin mới là phần sau của phát ngôn, toàn bộ ngữ đoạn vị từ ‘*đọc sách*’ nằm trong tiêu điểm, trọng âm tiêu điểm rơi vào từ ‘*sách*’, đồng thời trùng với trọng âm câu.

Tuy nhiên, khi có sự đánh dấu tương phản (nhấn mạnh) thì hai loại trọng âm này có sự phân biệt. Trọng âm tiêu điểm tương phản (TĐTP) có thể rơi vào bất kỳ yếu tố nào trong câu, bất kể yếu tố đó nằm trên phần thông tin cũ hay thông tin mới.

Chẳng hạn:

(3) **Anh** // mới là **thủ phạm**.

(4) i. Hôm nay mẹ mua áo cho **Minh**. (Chứ không phải **Nam**)

ii. Hôm nay mẹ mua **áo** cho Minh. (Chứ không phải **cặp sách** .)

iii. Hôm nay **mẹ** mua áo cho Minh. (Chứ không phải **ba**.)

Phát ngôn trong ví dụ (3) có hai tiêu điểm: (i) Tiêu điểm thứ nhất là danh ngữ ‘*thủ phạm*’, nó là TĐTTM, nằm trên phần thông tin mới, có vị trí cuối câu, trọng âm tiêu điểm trùng với trọng âm câu. (ii) Tiêu điểm thứ hai là từ ‘*anh*’, nằm ở phần đầu câu, là phần của thông tin cũ, nhưng nó mang TĐTP vì nó ở thế đối lập với một đối tượng khác nào đó cũng đang bị nghi ngờ là ‘*thủ phạm*’ chứ không phải ai khác. Ở (4), các từ ‘*Minh, áo, mẹ*’ được nhấn mạnh để đối lập chúng với các yếu tố khác ‘*Nam, cặp sách, ba*’ trong ngữ cảnh.

Như thế, vị trí trọng âm cường điệu thay đổi dẫn đến tiêu điểm thay đổi, và tất nhiên, khi tiêu điểm thay đổi, ý nghĩa phát ngôn cũng thay đổi.

Qua đó có thể thấy: (i) Với khả năng phân đoạn của trọng âm, một phát ngôn có thể có một hay nhiều tiêu điểm; (ii) Với một phát ngôn trung tính, trọng âm tiêu điểm và trọng âm ngữ đoạn/câu trùng nhau trên đơn vị thực từ đứng cuối, mang TĐTTM, như (1) và (2); (iii) Hai loại trọng âm này không trùng hợp nhau khi phát ngôn xuất hiện TĐTP, lúc đó, trong câu có hai loại trọng âm hành chức, trọng âm câu, ngẫu nhiên cùng là trọng âm tiêu điểm, rơi vào TĐTTM nằm ở cuối câu; còn trọng âm cường điệu rơi vào TĐTP như (3); (iv) Trọng âm tương phản có thể rơi vào bất cứ bộ phận nào của câu như (4). Có khi trọng âm ở TĐTTM đồng thời là trọng âm tương phản như ở TĐTP ‘*thủ phạm*’ của (3).

2. Ngữ điệu

Ngữ điệu là một hiện tượng siêu đoạn tính xảy ra trong quá trình nói năng. Ngữ điệu, có thể nói, là đặc trưng phổ quát của mọi ngôn ngữ. Ở các ngôn ngữ châu Âu, cụ thể là tiếng Anh và tiếng Nga, ngữ điệu là một công cụ vừa hành chức ngữ pháp (hai ngôn ngữ này vốn có hẳn một hệ thống cấu trúc ngữ điệu,

mỗi loại cấu trúc có một ý nghĩa ngữ pháp khác nhau) lại vừa hành chức ngữ dụng. Ở tiếng Việt tình hình cũng xảy ra tương tự.

Ngữ điệu luôn bao hàm cả trọng âm. Trên phương diện ngữ pháp, ngữ điệu có chức năng (i) Đánh dấu câu cùng trọng âm; (ii) Cấu tạo câu, đánh dấu ngôn trung cho các phát ngôn.

Trên phương diện ngữ dụng, ngữ điệu có tác dụng đóng gói và tiêu điểm hóa thông tin, biểu hiện các sắc diện tình thái của phát ngôn.

Đỗ Tiến Thắng trong *‘Ngữ điệu tiếng Việt’* đã tổng hợp tất cả các thuộc tính về ngữ âm học, ngữ pháp học và dụng học của ngữ điệu trong định nghĩa sau: “Ngữ điệu là hiện tượng ngôn điệu được tạo thành từ sự hoạt động của các nét khu biệt âm học tại những hình tiết nhất định trong câu. Ngữ điệu làm cho câu được hiện thực hóa và trở thành đơn vị giao tiếp” [3, 59].

a) Về chức năng ngữ pháp của ngữ điệu, điều đầu tiên cần nói đến là (i) **Chức năng đánh dấu câu**. Ngữ điệu cho biết đâu là giới hạn cuối cùng của một câu nói và bắt đầu một câu nói khác. Điểm kết thúc của một đơn vị ngữ điệu thường là trùng với trọng âm câu nếu câu kết thúc bằng một thực từ, hay kết thúc cùng với các *ngữ khí từ* [2] là những tiểu từ tình thái dứt câu, đánh dấu điểm kết thúc của một ngữ đoạn hay một câu, và là điểm khởi đầu cho một đơn vị ngữ điệu khác. (ii) **Trong vai trò cấu tạo câu** “Ngữ điệu có chức năng biến những khúc đoạn ngôn từ phi câu thành câu” [3, 67]. Theo tác giả, những thực từ độc lập đứng một mình như danh từ, động từ, tính từ, đại từ, chỉ có ngữ điệu mới làm cho chúng có tư cách của một phát ngôn/ một câu. Ngoài ra còn những phụ từ chỉ thời gian như từ *‘rồi’* trong *“Câu đã gặp nó chưa? –Rồi”* [3, 67], chỉ khi có sự tham gia của ngữ điệu nó mới có tư cách của một phát ngôn độc lập.

Một chức năng ngữ pháp nữa của ngữ điệu là (iii) **Xác định giá trị ngôn trung** cho các phát ngôn, trong đó những ngữ điệu khác nhau đem lại cho phát ngôn có những giá trị ngôn trung khác nhau. Chẳng hạn, cùng một phát ngôn: “Nó học giỏi”, nếu ngữ điệu bình thường, đó là câu kể, nếu ngữ điệu nâng lên thật cao ở từ cuối, nó trở thành câu hỏi. Như thế, ngữ điệu trong câu hỏi không thể giống với câu kể, hay giống với câu cảm thán, hay câu mệnh lệnh, v.v.

b) Về chức năng dụng pháp của ngữ điệu, có thể kể đến khả năng (i) **Đóng gói và tiêu điểm hóa thông tin**, (ii) **Thể hiện những ý nghĩa tình thái** khác nhau

của phát ngôn như: biểu thị thái độ, quan điểm, tình cảm, cảm xúc của người nói. Với những phát ngôn tình thái, người nghe căn cứ vào ngữ điệu có thể hiểu được hàm ý ẩn chứa dưới những hình thức hiển ngôn mà người nói muốn thể hiện.

Với khả năng phân đoạn ngữ đoạn và câu, ngữ điệu, như vậy, đồng thời thực hiện luôn thao tác **đóng gói thông tin** trong phát ngôn thành những nhóm khác nhau và tiến hành **tiêu điểm hóa** thông tin bằng trọng âm cường điệu. M.K.Halliday (1985-1998) đã nói rằng: “Một đơn vị thông tin có một thành phần mới bắt buộc và một phần thông tin cũ tùy ý... Mỗi đơn vị thông tin được hiện thực hóa bằng một đường nét âm thanh (pitch contour) hay thanh điệu (tone). Đường biểu diễn của thanh điệu có thể giáng hay thăng hoặc pha trộn. Đường nét này mở rộng ra toàn bộ nhóm thanh điệu. Trong một nhóm thanh điệu, có một thành tố chứa chuyển động chính của cấp độ âm thanh: thanh giáng hay thanh thăng, hoặc đổi hướng. Đặc điểm này gọi là sự nổi bật thanh điệu (tonic prominence)... Thành phần có đặc điểm nổi bật này được cho là mang tiêu điểm thông tin (information focus).” [4, 473]

Một đơn vị câu với hai thành phần cơ bản Chủ-Vị hay Đề-Thuyết tương đương với hai thành tố cũ-mới của thông tin, thường có ít nhất là một TĐTTM như vd (2), hoặc hơn một TĐTTM như vd (1) trên phần vị ngữ/ phần thuyết; nhưng nếu câu là một phát ngôn có chứa TĐTP trên phần đề thì coi như cả hai phần chủ-vị/ đề-thuyết đều chứa tiêu điểm, như vd (3). Câu càng dài thì càng nhiều nhóm thông tin được đóng gói, và càng nhiều nhóm ngữ điệu thực hiện trên đó. Nhiều nhóm ngữ điệu khác nhau với sự di chuyển lên xuống liên tục của đường nét thanh điệu tạo nên sự biến thiên ngữ điệu trong lời nói. Với tần số biến thiên của đường nét ngữ điệu tăng lên, nhiều điểm rơi trọng âm khác nhau sẽ diễn ra trên nhiều đơn vị từ vựng khác nhau tạo nên nhiều tiêu điểm trong lời nói. Người nghe có thể căn cứ vào những điểm trôi sụt trong giọng nói (do diễn biến cao độ khác nhau của thanh điệu) mà nhận ra tiêu điểm trong lời nói.

Chẳng hạn ở (5), có thể nhận thấy thông tin được đóng gói thành từng nhóm ngữ điệu khác nhau, mỗi nhóm có từ một đến hai tiêu điểm khác nhau, như thế trong toàn bộ một phát ngôn có ý liên hoàn, có thể xuất hiện nhiều tiêu điểm do kết quả của việc tiêu điểm hóa bằng trọng âm cường điệu.:

(5) //...Tôi cũng **sợ** /người ta nói **ra** / nói **vào** chứ// Minh nói **một**// người ta nói **hai**// nói **ba**. (Trích phỏng vấn trên VTV3, Ctr. *Người xây tổ ấm*)

(Dấu / chỉ nhịp ngắt có thể có trong một câu dài; dấu // chỉ ranh giới của nhóm thông tin được thực hiện bằng một đơn vị ngữ điệu; các chữ in đậm chỉ các từ tiêu điểm mang trọng âm cường điệu).

Ngoài ra, ngữ điệu và trọng âm cường điệu còn có chức năng **tình thái hóa thông tin** theo hai nhóm tác dụng: (i) Nhấn mạnh và tương phản; (ii) Cung cấp thông tin hàm ẩn.

Lời nói hàng ngày có ngữ điệu tình thái vô cùng phong phú. Cách nhấn nhá giọng (dần mạnh, kéo dài, lên xuống, luyến láy) ở những từ trọng tâm hoặc từ đứng cuối câu, tạo nên ngữ điệu đặc thù mà chúng ta gọi là *ngữ điệu tình thái* thể hiện những hành vi ngôn ngữ khác nhau. Một câu thông thường như “*Đến sớm nhĩ*” biểu thị một xác nhận, hay một lời chào hỏi khi vừa gặp nhau, cũng có thể là một lời khen tặng xã giao. Nhưng, cũng câu này, được nói lên với một ngữ điệu bất thường như: kéo dài giọng ở cuối câu, cường độ giọng nói tăng mạnh ở từ “*sớm*” mà Đỗ Tiến Thắng [3,151] gọi là *ngữ điệu đay* - ngữ điệu đay này còn kéo dài tiếp và kết thúc bằng tiểu từ tình thái dứt câu ‘*nhĩ*’ (Cao Xuân Hạo gọi các từ như ‘*nhĩ*’ là ngữ khí từ) - lập tức tạo ra một hiệu ứng tình thái đánh dấu, hoàn toàn khác so với nghĩa tường minh của cấu trúc.

Để giải mã được thông tin tình thái trong những câu mà ngữ điệu có vai trò quyết định ý nghĩa của câu nói, người nghe phải căn cứ vào ngữ cảnh. Ngữ cảnh qui định tính *tích cực* hay *tiêu cực* của thông tin hàm ẩn chứa đựng trong lời nói. Trong văn viết, phát ngôn loại này được người viết đánh dấu bằng dấu chấm hỏi (?) hay dấu chấm than (!) để mô tả tính tình thái của lời nói, còn về phía người đọc, họ phải dựa đồng thời vào cả văn cảnh để xử lý thông tin theo hai chiều hướng: tường minh hay hàm ẩn, tích cực hay tiêu cực.

Trong lời nói, nhiều khi chỉ có ngữ điệu, trọng âm và ngữ cảnh tạo nên nghĩa tình thái cho câu nói mang tính hàm ý. Hàm ý có thể biểu thị thái độ cùng chiều hay ngược chiều so với những gì được thể hiện trong hiển ngôn: *tích cực* và *tiêu cực*.

Chiều *tích cực* là thái độ khẳng định, hay bác bỏ để khẳng định, ngạc nhiên-khen ngợi, tán thưởng, đồng tình,

Chiều *tiêu cực* là phủ định (phủ định trực tiếp hoặc phủ định bằng cách khẳng định để bác bỏ); ngạc nhiên-chê bai hay phản đối; là thái độ mỉa mai,

châm chọc, khích bác, đe dọa của người nói đối với một đối tượng, một sự kiện nào đó.

Cả hai chiều tích cực và tiêu cực đều có một hệ quả là người nói đồng thời ngầm đưa ra nhận định ngược lại với những gì phát ra qua hình thức hiển ngôn.

Ta hãy xét cụ thể trong các ngữ cảnh sau:

Trong giao tiếp hàng ngày, chúng ta thường nghe thấy những lời nói kiểu sau đây:

(6) i. **Cái này** (mà) **tám** mươi ngàn đồng?!

ii. **Tám** mươi ngàn?

Tùy vào hoàn cảnh phát ngôn mà câu này được hiểu theo chiều hướng tích cực hay tiêu cực. Nếu vật thể có giá dưới giá trị thực của nó, người nghe hiểu câu này như một lời khen “*Anh/ chị mua được rẻ thế*”, nhưng cũng có thể là một lời chê “*Sao mua đắt thế*” nếu vật thể có giá cao hơn giá trị thực của nó.

Ở hình thức trung hòa, phát ngôn có hình thức của một câu kể, được nói với một ngữ điệu bình thường:

iii. Cái này **tám** mươi ngàn đồng. [Cái này giá **bao** nhiêu?]

‘*Tám*’, trong ngữ đoạn ‘*tám* mươi ngàn đồng’ là thành tố mang TĐTTM. Nhưng khi xuất hiện chỉ tố tình thái mà như (6i) thì ‘*Cái này*’ không còn là thành tố bình thường nữa, một ý nghĩa mới- ý nghĩa tương phản đã được gắn vào cho nó, có ‘*cái này*’ hẳn phải có cái khác, ‘*cái này*’ đắt hẳn ‘*cái kia*’ có thể rẻ hơn, hay ‘*cái đó*’ ‘*đắt*’ nhưng ‘*mà đẹp*’. Và như thế, thông tin cũ trên phần ĐỀ/ Chủ ngữ đã nhận trọng âm tương phản.

Trong các phát ngôn dạng đánh giá này, ta hay gặp các chỉ tố từ ngữ tình thái như *chỉ có/có ... thôi*, *đến/ những/mà đến/mà những... kia*, v.v. được dùng kèm theo để bày tỏ thái độ đồng tình hay phản đối.

Loại cấu trúc có hình thức khẳng định nhưng lại mang một hàm nghĩa ngược chiều với hình thức thể hiện thường xảy ra khi tồn tại những quan điểm đối lập trong nhận định, đánh giá về một sự kiện, đối tượng nào đó. Sự ngầm ẩn ấy thể hiện thái độ chê trách, mỉa mai và từ đó bày tỏ quan điểm phủ định hay bác bỏ.

Muốn nhận ra hàm ý mỉa mai, chê trách qua hình thức câu khẳng định, người nghe phải căn cứ vào ngữ cảnh, giọng điệu của lời nói và cả vào những yếu tố phi lời như nét mặt, điệu bộ, cử chỉ của người nói nữa.

(7) **Đẹp mặt** *nhỉ*?!

(8) - Bà kia nhìn xấu quá!

- Vâng, **các bà thì đẹp** ! (ví dụ mượn của Nguyễn Đức Dân)

Câu (7), (8) là những câu nói đay, (7) hoàn toàn không phải một lời khen, mà ngược lại là một lời chê trách. Câu này ngoài dùng ngữ điệu đay (ngữ điệu đay thể hiện ở tiểu từ dứt câu *nhỉ*), nó còn dùng phương tiện đảo trật tự cú pháp Vị-Chủ để tăng cường nhấn mạnh. (8) biểu thị sự phản ứng lời chê bai của đối phương, không bằng một lời chê đối lại mà lại bằng lối ra vẻ là khen nhưng thực ra là lời phủ định đối phương: *các bà cũng chẳng đẹp gì*.

Bên cạnh đó, để thể hiện thái độ mỉa mai, chê trách hay phủ định, tiếng Việt hay sử dụng những lối nói tu từ kèm theo là các trợ từ tình thái đi cùng ngữ điệu đay và trọng âm cường điệu:

(9) **Quần áo** thì **thời** **thà** **thời** **thụt**, **trông** như **quân** **ăn** **mày**. **Thế** mà cũng **đòi** **vác** **mặt** **làm** **thang** **thuốc**. (Nam Cao, *Lang Rận*)

(10) **Lang** **gì** ? **Lang** **thang**! (Nam Cao, *Lang Rận*)

Các câu (9), (10) đều dùng những từ ngữ có tính tu từ mạnh, với sự trợ lực của các trợ từ tình thái có tác dụng liên kết tương phản, liên kết nhấn mạnh, ngữ điệu tình thái góp thêm tiếng nói đặc lực trong việc thể hiện ý tứ của câu, mỗi từ đều thể hiện một cường lực mạnh mẽ, khó mà lược bỏ bất cứ thành tố nào trong chúng mà không làm ảnh hưởng đến sức mạnh ngữ nghĩa của phát ngôn. Trong các ví dụ trên, trọng âm tiêu điểm rơi vào những từ gánh nặng thông tin nằm ở phần cả phần Đề và Thuyết, ngữ điệu đay diễn ra ở những từ gạch chân.

Ngoài hình thức câu khẳng định nhưng hàm ý mỉa mai chê trách, người Việt còn hay dùng hình thức câu hỏi xác định song thực chất là nói mát, nói móc, nói cạnh khoé, chửi xéo:

(11) - U liệu thế nào thì u liệu. Con nhất định không lấy thằng ấy.

- Thế mày định lấy **ai**? Lấy **giời** **nhé**? (Tô Hoài, *Lụa*)

(12) Chứ **bao** **nhiều** **nữa**? **Hai** **chục** **nữa** **nhé**? (Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

Ở câu (11), người mẹ bực mình vì cô con không chịu nghe lời lấy người mà bà ung, bà liền hỏi mát cô con ý muốn nói: mày đòi với cao đến đâu nữa, không nhẽ mày đòi lấy cả trời. Câu (12) không phải là một lời mặc cả mà là một lời nói móc, chửi xéo chị Dậu của bà Nghị Quế khi chị xin bà trả thêm tiền để mua đứa con gái của chị cùng con chó. Dùng lối nói mát mẹ là bà Nghị đã tỏ thái độ khinh miệt, rẻ rúng của mình đối với những kẻ nghèo hèn như gia đình chị Dậu.

Trong những câu nói mỉa dưới hình thức câu hỏi, thường thông tin tiêu điểm được xác định ngay trong hình thức hỏi lấy thông tin, có nghĩa là đã có một phần là thông tin tiền giả định, thông tin đã biết trong câu, không có sự đối lập tương phản trên hai phần cũ-mới của câu như thường thấy.

Còn có lối nói thách thức mà khi nghe ngữ điệu đầy đe dọa như khi nói câu (14) dưới đây, người nghe thấy một nguy cơ tiềm ẩn đang chờ đợi, nếu thực hiện lời nói có tính chất của một yêu cầu này:

(13) **Mày đến đây!**

Khi nghe một lời như thế này, người nghe tất nhiên phải dè chừng, không bao giờ thực hiện hành động điều mà người nói nói.

Tuy nhiên, ngôn ngữ không chỉ tồn tại dưới hình thức nói, nó còn được thực hiện bằng hình thức viết. Và dưới hình thức viết, đôi khi tiêu điểm vốn được thể hiện bằng trọng âm và ngữ điệu này được thay thế bằng các loại dấu câu, chẳng hạn như câu (14) với dấu chấm than (!) cùng với văn cảnh, người đọc tất hiểu được hàm ý của lời nói.

Từ đây, có thể nói rằng, ngữ điệu và trọng âm được coi là một trong những phương tiện dùng để đóng gói thông tin, chỉ xuất và nhận diện tiêu điểm, là những yếu tố giúp hiện thực hóa câu với tư cách là đơn vị ngôn ngữ hành chức.

3. Kết luận

Qua một vài phân tích trong bài viết này, chúng tôi đã phân biệt chức năng ngữ pháp và ngữ dụng của ngữ điệu và trọng âm trong lời nói Việt; phân tích vai trò và khả năng đóng gói thông tin và đánh dấu tiêu điểm của ngữ điệu và trọng âm trong lời nói đồng thời chỉ ra mối liên hệ và ảnh hưởng của chúng trong các phát ngôn mang màu sắc tình thái cao như các loại câu đánh giá, cảm khái, nói mát, nói mỉa v.v.

Càng thấy rõ một điều là trọng âm và ngữ điệu luôn là yếu tố song hành cùng các phương tiện ngôn ngữ khác trong nhiệm vụ kiến tạo diễn ngôn, đóng gói và tiêu điểm hóa thông tin trong giao tiếp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt- Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2]. Cao Xuân Hạo (2001), *Tiếng Việt- Mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, NXB Giáo dục.
- [3]. Đỗ Tiến Thắng (2009), *Ngữ điệu tiếng Việt, Sơ khảo*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4]. Halliday, M.A.K. (2001), *Dẫn luận ngữ pháp chức năng*, Arnold Publisher; Hoàng Văn Vân dịch, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5]. Halliday, M.A.K. (1991), *An introduction to Functional Grammar*, Edward Arnold London, New York, Melbourne Auckland.
- [6]. Lambrecht, K. (1994), *Information Structure and Sentence Form*, Cambridge Press.
- [7]. Lê Đông (1991), “Ngữ nghĩa-ngữ dụng của hư từ tiếng Việt: Ý nghĩa đánh giá của các hư từ”, *Ngôn ngữ (2)*.
- [8]. Lê Đông (1992), “Ngữ nghĩa ngữ dụng của hư từ : Siêu ngôn ngữ và hư từ tiếng Việt”, *Ngôn ngữ (2)*.
- [9]. Lê Đông, Hùng Việt (1995), “Nhấn mạnh như một hiện tượng ngữ dụng và đặc trưng ngữ nghĩa của một số trợ từ nhấn mạnh trong tiếng Việt”, *Ngôn ngữ (2)*.
- [10]. Nguyễn Đức Dân (1998), *Lôgic và tiếng Việt*, NXB Giáo dục.
- [11]. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2004), *Về cấu trúc thông tin và vấn đề tiêu điểm trong câu tiếng Việt và tiếng Anh*, Luận văn Cao học, ĐHKHXH & NV TP HCM.
- [12]. Rodinova E.V. (2001), *Word order and information structure In Russian syntax*, University of North Dakota.